TÒA ÁN NHÂN DÂN **HỆN CHIÊM HOÁ** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2025/HNGĐ - ST
Ngày 27-5-2025
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Mạnh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Tuyến, bà Tưởng Thị Thu.

- Thư ký phiên toà: Bà Bàn Thị Bích Duyên - Thư ký Toà án nhân dân Hện Chiêm Hoá.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Hện Chiêm Hoá *tham gia phiên tòa*: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân Hện Chiêm Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 54/2025/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 29/4/2025, Quyết định hoãn phiên toà số 18/2025/QĐST - HNGĐ ngày 19/5/2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1988;

- Bị đơn: Anh Phan Văn T, sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: Thôn Trung S, xã Tân M, Hện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang.

Chị L vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh T vắng mặt 02 lần không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày: Chị và anh Phan Văn T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại UBND xã Hoá Q, Hện Như X, tỉnh Thanh Hoá. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại thôn Trung S, xã Tân M, Hện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Trong quá trình chung sống thời gian đầu chị và anh T có cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, sau đó đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích

hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 người con chung là Phan Thị Trà M, sinh ngày 02/12/2008 và Phan Văn H, sinh ngày 13/5/2011, hiện nay hai cháu đang ở cùng anh Phan Văn T. Khi ly hôn chị có nguyện vọng tiếp tục để anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Chị sẽ cấp dưỡng nuôi con chung đối với mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng/cháu.

Về tài sản chung: Chị và anh T tự thoả thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

- Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phan Văn T trình bày: Anh và chị Lê Thị L được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại UBND xã Hoá Q, Hện Như X, tỉnh Thanh Hoá. Sau khi kết hôn anh và chị L chung sống tại nhà riêng của anh thuộc thôn Trung S, xã Tân M, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng có cuộc sống hôn nhân hạnh phúc. Sau đó đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, cãi nhau nhiều lần. Anh và chị L đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay chị L xin ly hôn với anh, anh không nhất trí ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và muốn có một gia đình đầy đủ cả bố và mẹ cho các con.

Về con chung: Anh và chị L có 02 người con chung là Phan Thị Trà M, sinh ngày 02/12/2008 và Phan Văn H, sinh ngày 13/5/2011, hiện nay hai cháu đang ở cùng anh. Nếu phải ly hôn anh nhất trí là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu M và cháu H. Anh nhất trí mức cấp dưỡng của chị L nuôi mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng/cháu, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh và chị L tự thoả thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

Toà án xác minh tại địa phương nơi cư trú của anh T và chị L được biết: Chị Lê Thị L và anh Phan Văn T đều là công dân của thôn Trung S, xã Tân M, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Chị L và anh T có đăng ký kết hôn vào năm 2007 và được hai gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương. Về mâu thuẫn vợ chồng của chị L và anh T thì địa phương không biết cụ thể, nhưng thông qua dư luận tại thôn có nghe thấy nói là vợ chồng chị L và anh T có xảy ra mâu thuẫn, do chị L đi làm công ty xa nhà nên vợ chồng nghi ngờ, không tin tưởng nhau dẫn tới anh T nảy sinh ghen tuông. Dịp tết năm 2025 chị L đi làm công ty về, hai vợ chồng có mâu thuẫn xô xát, cãi chửi nhau. Chị L và anh T có hai người con chung là Phan Thị Trà M, sinh ngày 02/12/2008 và Phan Văn H, sinh ngày 13/5/2011. Hiện nay hai cháu đang ở cùng anh T. Mức thu nhập bình quân theo đầu người của công dân thôn Trung S, xã Tân M, H Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang là 3.600.000 đồng/người/tháng.

Tại phiên toà, nguyên đơn chị Lê Thị L vắng mặt, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Về con chung chị nhất trí để anh T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Phan Thị Trà M, sinh ngày 02/12/2008 và Phan Văn H, sinh ngày 13/5/2011, chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Về vay nợ chung, không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của bị đơn thực hiện chưa đầy đủ về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 107, 108, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị L,

Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị L được ly hôn với anh Phan Văn T.

Về con chung: Giao 02 con chung là Phan Thị Trà M, sinh ngày 02/12/2008 và Phan Văn H, sinh ngày 13/5/2011 cho anh Phan Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Lê Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 người con chung, mỗi người con chung là 1.000.000 đồng/người/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Lê Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về vài sản chung: Chị Lê Thị L và anh Phan Văn T tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không đề nghị xem xét.

Về vay nợ chung: Chị Lê Thị L và anh Phan Văn T đều xác định không có, nên không đề nghị xem xét.

Về án phí: Chị Lê Thị L phải nộp T bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và tiền án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Phan Văn T không phải nộp án phí.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Phan Văn T, nơi cư trú: Thôn Trung S, xã Tân M, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Hện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị L vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Phan Văn T được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do, nên căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Phan Văn T tự do tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 28/12/2007 tại UBND xã H Quỳ, Như X, tỉnh Thanh Hoá, xác định là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu sau hôn nhân, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, chị L đi làm công ty không có sự chia sẻ, quan tâm vợ chồng, anh T đã nảy sinh nghi ngờ và ghen tuông dẫn tới vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau nhiều lần, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Xét thấy, trong một thời gian dài chị L và anh T đã không chung sống cùng nhau, vợ chồng không thực hiện nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc và tiến bộ không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế chị L và anh T đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L, xử cho chị L được ly hôn với anh Phan Văn T.

2.2. Về con chung: Chị Lê Thị L và anh Phan Văn T có 02 người con chung là Phan Thị Trà M, sinh ngày 02/12/2008 và Phan Văn H, sinh ngày 13/5/2011, hiện tại 02 người con chung đang ở cùng anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án chị L và anh T đã cùng thống nhất thoả thuận, anh T sẽ là người tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 02 người con chung. Chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với mỗi một người con chung là 1.000.000 đồng/người/tháng, cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. Đồng thời 02 người con chung là Phan Thị Trà M và Phan Văn H đều có ý kiến nguyện vọng được ở cùng anh T. Do vậy cần giao 02 người con chung là M và H cho anh T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Lê Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với mỗi một người con chung là 1.000.000 đồng/người/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Lê Thị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị L và anh Phan Văn T xác định tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

2.4. Về vay nợ chung: Chị Lê Thị L và anh Phan Văn T xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị L phải nộp T bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và tiền án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Phan Văn T không phải nộp án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ vào*: Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 107, 108, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- *Tuyên xử:* Chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị L.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị L được ly hôn với anh Phan Văn T *(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 47/2007, ngày 28/12/2007 của UBND xã Hoá Quỳ, Hện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá).*

2. Về con chung: Giao 02 người con chung là Phan Thị Trà M, sinh ngày 02/12/2008 và Phan Văn H, sinh ngày 13/5/2011 cho anh Phan Văn T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị Lê Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với mỗi một người con chung với mức cấp dưỡng là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/người/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng thực hiện định kỳ hàng tháng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Chị Lê Thị L phải nộp T bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và tiền án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), tổng cộng là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000801 ngày

18/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự Hện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Chị Lê Thị L còn phải nộp thêm số tiền án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Anh Phan Văn T không phải nộp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND Hện Chiêm Hoá;
- CCTHADS Hện Chiêm Hoá;
- UBND xã Hoá Quỳ, H. Như Xuân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Mạnh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Tuyến **Tưởng Thị Thu** **Hoàng Mạnh Tuấn**